

**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ BÁNH KẸO HOA HỒNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ BÁNH KẸO HOA HỒNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA HONG FOODS AND CONFECTIONARY CO. LTD.,

Tên công ty viết tắt: HOAHO

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108661164

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 14, Ngõ 316, đường Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0395396801

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                   | 1010        |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                           | 1020        |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                      | 1030        |
| 4.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                   | 1040        |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                               | 1050        |
| 6.  | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                       | 1061        |
| 7.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                     | 1062        |
| 8.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                     | 1071        |
| 9.  | Sản xuất đường                                                                                                    | 1072        |
| 10. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                               | 1073(Chính) |
| 11. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                      | 1074        |
| 12. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                             | 1075        |
| 13. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                     | 1080        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                      | 2220        |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)           | 4530        |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Đại lý bán hàng hóa                                                         | 4610        |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không bao gồm những loại nhà nước cấm) | 4620        |
| 18. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                    | 4631        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632 |
| 20. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641 |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                    | 4649 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 23. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4721 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4722 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm những loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5221 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5225 |
| 30. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Hoạt động sản xuất phim video<br>(Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5911 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Môi giới bất động sản (Điều 62 luật kinh doanh bất động sản 2014)<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014)<br>Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014)<br>Sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 luật kinh doanh bất động sản 2014) | 6820 |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310 |
| 33. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7320 |
| 34. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Dịch vụ chuyển giao công nghệ (Điều 45 Luật Chuyển giao công nghệ 2017)                                                                                                                                                                                                                      | 7490 |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Điều 28 luật thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 37. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4633 |
| 38. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1079 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN BEA | Nhà số 14, ngõ 316, phố Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 400.000.000           | 80,000    | 0108518044                                                                                                                                        |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN THIỆU    | 260 Thanh Vy, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                           | 100.000.000           | 20,000    | 034054002885                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 22/03/2019 đến ngày 21/04/2019

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU NGUYỄN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *08/04/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *026089001584*

Ngày cấp: *20/05/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Bình Lâm, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Bình Lâm, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội